

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày 04-5-2018

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cương.

2. Ông Đỗ Ngọc Thắng.

T ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, T ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 04-5-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 04-01-2018 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình. Theo quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 17-4-2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Xóm TA, xã VN, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

+ Bị đơn: Anh Lưu Văn N, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm TĐ, xã XL, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị T kết hôn với anh Lưu Văn N vào ngày 18-10-2002, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XL, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, trong làm ăn mỗi người một quan điểm, vợ chồng từng xuyên xẩy ra mâu thuẫn bất đồng cãi nhau. Đến năm 2010 vợ chồng mâu thuẫn chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở

VN, TY vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị T xin ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung Lưu Mai Hương, sinh ngày 11/7/2003, Lưu Phương Anh, sinh ngày 24/7/2007 về con chung đang ở ổn định gia đình bên nội chị T không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã gửi giấy triệu tập nhiều lần nhưng anh N không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã đến gia đình anh N thì được mẹ anh N là bà Ninh Thị Lĩnh cho biết bà đã nhiều lần nhận được các văn bản của Tòa án gửi cho anh N, do anh N đi làm ăn ở Hòa Bình không có ở nhà nên không đến Tòa án được. Sau khi nhận được văn bản của Tòa án bà đã trực tiếp điện thoại cho anh N và bảo anh N về giải quyết việc chị T xin ly hôn, anh N nói bận công việc không về được, việc chị T xin ly hôn anh do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm đến nay không còn anh đồng ý ly hôn chị T. Về con chung, tài sản, công nợ anh không yêu cầu giải quyết.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xã XL cho biết: Chị Nguyễn Thị T và anh Lưu Văn N, kết hôn với nhau vào ngày 18 tháng 10 năm 2002, đăng ký kết hôn tại UBND xã XL. Quá trình chung sống được vài năm đầu thì hòa thuận hạnh phúc cách đây khoảng 5 đến 6 năm thì vợ chồng mâu thuẫn, chị T về nhà bố mẹ đẻ ở Việt Ngọc, Tân Yên sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Sau khi chị T về Tân Yên ở thì anh N cũng đi làm lúc thì ở Hòa Bình, khi thì ở Hà Nội thỉnh thoảng mới về nhà và khi nào gia đình có công việc mới về.

Về con chung chị T, anh N có 02 con chung Lưu Mai Hương sinh ngày 11/7/2003 và Lưu Phương Anh sinh ngày 24/7/2007 hiện tại hai cháu đang ở với ông bà nội là bà Ninh Thị Lĩnh.

Về tài sản, công nợ thì không thấy có gì.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, T ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, đối với bị đơn trong quá trình thụ lý, giải quyết chưa chấp hành đúng Điều 70; Điều 72; Điều 227; BLTTDS.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy

đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về Tố tụng:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện Anh N là bị đơn đã được gia đình thông báo thụ lý vụ án, thông báo giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và đã được Tòa án niêm yết các văn bản hợp lệ nhưng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án, không đến tòa án làm thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207, Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở ngày 17/4/2018 anh N vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa mở ngày hôm nay anh N vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh N vào ngày 18/10/2002, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XL, là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, anh N không tu trí làm ăn vì vậy vợ chồng Tồng xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay, nay tình cảm vợ chồng không còn chị T xin ly hôn anh N, phía anh N mặc dù không có bản tự khai và không có mặt tại phiên tòa nhưng qua xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương thì được biết chị T, anh N mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng chị T, anh N đến nay không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở cần căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T.

[3] Về con chung, tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật: Áp dụng khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39; Điểm b, khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 271;

Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lưu Văn N.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng vào số tiền tạm ứng chị T đã nộp tại biên lai số: 02377, ngày 03/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã XL.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh